

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 – 2027 CỦA TRƯỜNG THPT SỐ 1 TƯ NGHĨA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh					
1			PHẠM KHÁNH DUY	Nam	13/01/2011	Đăklăk							Tuyển thẳng	KT
2			NGUYỄN TRẦN MINH KHOA	Nam	12-09-2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
3			HUỶNH HOÀNG HUYỀN	Nam	14/04/2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
4			NGUYỄN MẠNH KHANG	Nam	25/05/2010	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
5			ĐÌNH BẢO NAM	Nam	16/11/2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
6			CAO TUẤN KIỆT	Nam	14/09/2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
7			TRẦN THỊ BẢO THIÊN	Nữ	22/01/2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	KT
8			TRẦN HỒ TIẾN TRUNG	Nam	22/04/2011	Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	Boxing toàn quốc
9	130207	TN1	LÊ THỊ DIỄM LY	Nữ	15/02/2011	Quảng Ngãi	8,75	9,5	9	27,25		27,25	NV1	
10	130413	TN1	PHẠM QUANG THÔNG	Nam	16/02/2011	Quảng Ngãi	8,5	8,75	9	26,25		26,25	NV1	
11	090226	LKH	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ	Nữ	16/05/2011	Quảng Ngãi	9,25	9,25	7,75	26,25		26,25	NV1	
12	090456	LKH	PHAN MINH KHƯƠNG	Nam	20/03/2011	Quảng Ngãi	7	9,5	9,5	26		26	NV1	
13	130269	TN1	LÊ KHÔI NGUYỄN	Nam	09/08/2011	Quảng Ngãi	8,5	7,75	9,25	25,5		25,5	NV1	
14	090913	LKH	ĐÌNH THỊ THANH THẢO	Nữ	12/07/2011	Quảng Ngãi	8,5	8,75	8,25	25,5		25,5	NV1	
15	090683	LKH	LƯƠNG TÙNG NGUYỄN	Nam	20/09/2011	Quảng Ngãi	8,5	8,25	8,75	25,5		25,5	NV1	
16	130447	TN1	LÊ THIÊN TOÀN	Nam	23/03/2011	Quảng Ngãi	8	8,25	8,5	24,75	0,5	25,25	NV1	
17	130282	TN1	BÙI ĐẮC NHẬT	Nam	08/12/2011	Quảng Ngãi	8	8,75	8,5	25,25		25,25	NV1	
18	091141	LKH	LÊ VŨ THỊ NHƯ Ý	Nữ	14/02/2011	Quảng Ngãi	7,5	8,5	9,25	25,25		25,25	NV1	
19	130425	TN1	NGUYỄN LÊ HOÀI THƯ	Nữ	09/06/2011	Quảng Ngãi	8,75	7,5	8,75	25		25	NV1	
20	130424	TN1	LÊ KIỀU THƯ	Nữ	30/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	8	8,75	25		25	NV1	
21	130226	TN1	NGÔ TRẦN NGỌC MỸ	Nữ	02/05/2011	Quảng Ngãi	9	6,25	9,75	25		25	NV1	
22	130113	TN1	NGUYỄN KIỀU GIA HÂN	Nữ	02/12/2011	Quảng Ngãi	8,5	7,5	9	25		25	NV1	
23	090773	LKH	LÊ LƯƠNG PHÁT	Nam	13/10/2011	Quảng Ngãi	8,5	7	9,5	25		25	NV1	
24	090367	LKH	KIỀU QUANG KHẢI	Nam	19/11/2011	Quảng Ngãi	8,5	7,75	8,75	25		25	NV1	
25	090073	LKH	NGUYỄN QUÝ BÌNH	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	9	7,5	8,5	25		25	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
26	090390	LKH	PHÙNG GIA	KHANG	Nam	15/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	8,25	8,75	24,75		24,75	NV1	
27	130349	TN1	VÕ CAO NGỌC	PHUỘNG	Nữ	27/12/2011	Quảng Ngãi	7,5	8	9	24,5		24,5	NV1	
28	130133	TN1	LÊ ĐÌNH	HÒA	Nam	01/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	7,5	8,75	24,5		24,5	NV1	
29	130119	TN1	TRẦN THỤY GIA	HẢN	Nữ	02/06/2011	Quảng Ngãi	8,75	7,25	8,5	24,5		24,5	NV1	
30	091049	LKH	PHAN MINH	TRÍ	Nam	09/01/2011	Quảng Ngãi	7,5	8	9	24,5		24,5	NV1	
31	090783	LKH	DUƠNG	PHONG	Nam	16/10/2011	Quảng Ngãi	9	8	7,5	24,5		24,5	NV1	
32	090660	LKH	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	Nữ	01/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	7	9,25	24,5		24,5	NV1	
33	090392	LKH	QUÁCH VŨ UYÊN	KHANH	Nữ	04/04/2011	Quảng Ngãi	7	8	9,5	24,5		24,5	NV1	
34	130292	TN1	LÊ HOÀNG NGỌC	NHI	Nữ	20/02/2011	Quảng Ngãi	8,75	7,5	8	24,25		24,25	NV1	
35	130239	TN1	LÊ THỊ THU	NGÂN	Nữ	30/03/2011	Quảng Ngãi	8	8	8,25	24,25		24,25	NV1	
36	130224	TN1	PHAN HOÀNG	MỸ	Nữ	29/05/2011	Quảng Ngãi	8,75	8	7,5	24,25		24,25	NV1	
37	130181	TN1	VÕ GIA	KHANG	Nam	22/05/2011	Quảng Ngãi	8,25	8	8	24,25		24,25	NV1	
38	130029	TN1	PHẠM BÙI THIÊN	BẢO	Nam	22/03/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	8,75	24,25		24,25	NV1	
39	130003	TN1	LÊ TRƯƠNG HOÀI	AN	Nữ	14/04/2011	Quảng Ngãi	8,75	6	9,5	24,25		24,25	NV1	
40	090979	LKH	VŨ HOÀI	THƯ	Nữ	20/10/2011	Quảng Ngãi	8	7,25	9	24,25		24,25	NV1	
41	090637	LKH	TÔ THỊ PHƯƠNG	NGHI	Nữ	11/05/2011	Quảng Ngãi	8,25	8	8	24,25		24,25	NV1	
42	130162	TN1	NGUYỄN ĐĂNG	HÙNG	Nam	16/01/2011	Quảng Ngãi	7	8,25	8,75	24		24	NV1	
43	130038	TN1	VÕ NGUYỄN MINH	CHÁU	Nữ	25/10/2011	Quảng Ngãi	8	8	8	24		24	NV1	
44	090854	LKH	ĐẶNG VŨ KỶ	QUYÊN	Nữ	22/05/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	9,5	24		24	NV1	
45	090002	LKH	ĐẶNG NGUYỄN THẢO	AN	Nữ	10/03/2011	Quảng Ngãi	9	6	9	24		24	NV1	
46	130343	TN1	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	Nữ	05/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	8	8,5	23,75		23,75	NV1	
47	130324	TN1	VÕ ĐỨC	PHÁT	Nam	23/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,75	8,25	23,75		23,75	NV1	
48	130315	TN1	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	20/10/2011	Quảng Ngãi	8,25	6,75	8,75	23,75		23,75	NV1	
49	130204	TN1	NGUYỄN YẾN	LINH	Nữ	26/01/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,25	9,75	23,75		23,75	NV1	
50	090492	LKH	NGUYỄN DUY	LÂM	Nam	31/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	8,5	23,75		23,75	NV1	
51	130516	TN1	NGUYỄN TIẾN	VINH	Nam	16/12/2011	Quảng Ngãi	8	7	8,5	23,5		23,5	NV1	
52	130380	TN1	BÙI TÁ TRẦN	TÀI	Nam	20/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	7,75	8,25	23,5		23,5	NV1	
53	130376	TN1	HỒ THỊ MI	SA	Nữ	06/02/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	9	23,5		23,5	NV1	
54	130255	TN1	BÙI HÀ ÁNH	NGỌC	Nữ	30/11/2011	Quảng Ngãi	7,25	8	8,25	23,5		23,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
55	130228	TN1	NGUYỄN THỊ MY	NA	Nữ	09/08/2011	Quảng Ngãi	9	7,5	7	23,5		23,5	NV1	
56	130098	TN1	PHAN THANH	HẢI	Nam	15/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,5	8,75	23,5		23,5	NV1	
57	130084	TN1	ĐẶNG VŨ MINH	ĐỨC	Nam	17/11/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,75	8	23,5		23,5	NV1	
58	130028	TN1	NGUYỄN NGUYỄN	BẢO	Nam	09/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	7	8,75	23,5		23,5	NV1	
59	090972	LKH	PHAN VŨ ANH	THU	Nữ	30/07/2011	Quảng Ngãi	7,25	8,25	8	23,5		23,5	NV1	
60	090879	LKH	VŨ THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	24/06/2011	Quảng Ngãi	8,75	6,25	8,5	23,5		23,5	NV1	
61	090215	LKH	VŨ TIẾN	GIÁP	Nam	16/12/2011	Quảng Ngãi	7,25	8	8,25	23,5		23,5	NV1	
62	090078	LKH	CAO PHƯƠNG	CHÁU	Nữ	18/08/2011	Quảng Ngãi	8	7,75	7,75	23,5		23,5	NV1	
63	130474	TN1	VŨ NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	12/10/2011	Quảng Ngãi	8,75	8	6,5	23,25		23,25	NV1	
64	130323	TN1	TRẦN TRỌNG	PHÁT	Nam	26/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,75	7,75	23,25		23,25	NV1	
65	091020	LKH	NGÔ THỊ BẢO	TRÂM	Nữ	08/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,75	9,25	23,25		23,25	NV1	
66	090702	LKH	BÙI TÁ	NGUYỄN	Nam	21/05/2011	Quảng Ngãi	8,25	8,25	6,75	23,25		23,25	NV1	
67	090149	LKH	PHAN TRẢ ANH	DUY	Nam	23/11/2011	Quảng Ngãi	8,25	6,75	8,25	23,25		23,25	NV1	
68	130444	TN1	VŨ MINH	TIẾN	Nam	24/10/2011	Quảng Ngãi	7,25	8,25	7,5	23		23	NV1	
69	130427	TN1	NGUYỄN THỊ THANH	THU	Nữ	27/07/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	9,25	23		23	NV1	
70	130402	TN1	PHẠM LÊ HOÀNG	THIÊN	Nam	04/05/2011	Quảng Ngãi	7	7,75	8,25	23		23	NV1	
71	130278	TN1	LÊ THỊ THANH	NHÃ	Nữ	10/11/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	7,5	23		23	NV1	
72	130155	TN1	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	27/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	8,25	7,5	23		23	NV1	
73	091128	LKH	VŨ TRƯỜNG	VƯỢNG	Nam	18/02/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	9,25	23		23	NV1	
74	091054	LKH	NGUYỄN MINH	TRIẾT	Nam	26/07/2011	Quảng Ngãi	6,75	8,25	8	23		23	NV1	
75	090292	LKH	PHẠM ĐĂNG	HIỆU	Nam	30/06/2011	Quảng Ngãi	7,75	8	7,25	23		23	NV1	
76	130530	TN1	PHẠM CHÍ	VỸ	Nam	22/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	6,5	8	22,75		22,75	NV1	
77	130524	TN1	TÔ HOÀNG YẾN	VY	Nữ	23/11/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	8,75	22,75		22,75	NV1	
78	130505	TN1	LÊ BÙI KIẾN	VĂN	Nam	23/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	7,5	22,75		22,75	NV1	
79	130451	TN1	DU TẤN NGỌC	TRANG	Nữ	26/07/2011	Quảng Ngãi	7	7,25	8,5	22,75		22,75	NV1	
80	130341	TN1	LÊ THỊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	22/06/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,5	8	22,75		22,75	NV1	
81	130260	TN1	LÊ NHƯ	NGỌC	Nữ	22/11/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	8,25	22,75		22,75	NV1	
82	130215	TN1	NGÔ GIA	MINH	Nam	17/11/2011	Thanh Hóa	7,5	7,25	8	22,75		22,75	NV1	
83	130214	TN1	PHẠM KIỀU PHƯƠNG	MAI	Nữ	21/05/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	7,5	22,75		22,75	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
84	130019	TN1	LÊ NGỌC	ÁNH	Nữ	16/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	7,5	22,75		22,75	NV1	
85	091096	LKH	ĐOÀN THỊ TÚ	UYÊN	Nữ	30/06/2011	Quảng Ngãi	9	7	6,75	22,75		22,75	NV1	
86	090624	LKH	NGUYỄN VÕ THU	NGÂN	Nữ	29/03/2011	Quảng Ngãi	8,75	6,25	7,75	22,75		22,75	NV1	
87	130423	TN1	HỨA THUẬN THANH	THỨ	Nữ	23/02/2011	Quảng Ngãi	8	7	7,5	22,5		22,5	NV1	
88	130394	TN1	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	11/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	7,5	6,75	22,5		22,5	NV1	
89	130387	TN1	HUỶNH NGỌC	THÁI	Nam	19/08/2011	Quảng Ngãi	6,75	8	7,75	22,5		22,5	NV1	
90	130386	TN1	TRẦN NGUYỄN THIÊN	TÂN	Nam	28/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,75	7,5	22,5		22,5	NV1	
91	130354	TN1	NGUYỄN TÙNG	QUẢN	Nam	21/09/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	8	22,5		22,5	NV1	
92	130344	TN1	NGUYỄN VÕ NHƯ	PHƯƠNG	Nữ	08/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,5	7,75	22,5		22,5	NV1	
93	130289	TN1	ĐỖ BÙI LÂM	NHI	Nữ	11/06/2011	Quảng Ngãi	7,25	7	8,25	22,5		22,5	NV1	
94	130230	TN1	NGUYỄN HOÀI	NAM	Nam	01/03/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,75	8,5	22,5		22,5	NV1	
95	130211	TN1	TRẦN HƯƠNG THẢO	LY	Nữ	08/04/2011	Quảng Ngãi	8,5	6,75	7,25	22,5		22,5	NV1	
96	130186	TN1	NGUYỄN LÊ TUẤN	KHOA	Nam	14/11/2011	Quảng Ngãi	7	7,75	7,75	22,5		22,5	NV1	
97	130174	TN1	NGUYỄN HOÀNG HUY	KHANG	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	6,25	8	8,25	22,5		22,5	NV1	
98	130102	TN1	BÙI TÁ ANH	HÀO	Nam	30/04/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	8,5	22,5		22,5	NV1	
99	130065	TN1	LÊ THỊ THANH	DỰ	Nữ	29/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,5	7,75	22,5		22,5	NV1	
100	130031	TN1	NGUYỄN KHOA KHÁNH	BẰNG	Nữ	29/10/2011	Quảng Ngãi	8,25	7	7,25	22,5		22,5	NV1	
101	130020	TN1	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	14/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	7,5	6,75	22,5		22,5	NV1	
102	091118	LKH	PHAN THUỜNG	VIỆT	Nam	07/10/2011	Quảng Ngãi	8	7	7,5	22,5		22,5	NV1	
103	091069	LKH	NGUYỄN NHẬT	TRỌNG	Nam	18/03/2011	Quảng Ngãi	6,75	8	7,75	22,5		22,5	NV1	
104	090578	LKH	PHẠM THỊ TRÀ	MY	Nữ	17/04/2011	Quảng Ngãi	8	8	6,5	22,5		22,5	NV1	
105	090113	LKH	HUỶNH TÂN	CƯỜNG	Nam	02/04/2011	Quảng Ngãi	6,25	7,75	8,5	22,5		22,5	NV1	
106	130459	TN1	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	17/04/2011	Quảng Ngãi	7,75	7	7,5	22,25		22,25	NV1	
107	130453	TN1	PHẠM NGỌC THẢO	TRANG	Nữ	02/03/2011	Quảng Ngãi	7	7,75	7,5	22,25		22,25	NV1	
108	130294	TN1	NGUYỄN NGÔ NGỌC	NHI	Nữ	12/10/2011	Quảng Ngãi	8	8	6,25	22,25		22,25	NV1	
109	130277	TN1	TRẦN ÁNH	NGUYỆT	Nữ	20/08/2011	Quảng Ngãi	8	6,75	7,5	22,25		22,25	NV1	
110	130272	TN1	PHAN HOÀNG	NGUYỄN	Nam	11/07/2011	Quảng Ngãi	9	7	6,25	22,25		22,25	NV1	
111	130222	TN1	MAI NGUYỄN KIỀU	MY	Nữ	20/02/2011	Quảng Ngãi	8	7,25	7	22,25		22,25	NV1	
112	130132	TN1	VÕ THỊ MỸ	HOA	Nữ	10/05/2011	Quảng Ngãi	7,5	7,25	7,5	22,25		22,25	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
113	130131	TN1	TRƯƠNG NGỌC MINH	HIẾU	Nam	15/02/2011	Quảng Ngãi	8,5	7,5	6,25	22,25		22,25	NV1	
114	130064	TN1	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	Nữ	21/06/2011	Quảng Ngãi	8	6,25	8	22,25		22,25	NV1	
115	130506	TN1	NGUYỄN HỮU	VĂN	Nam	06/02/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	7,5	22		22	NV1	
116	130377	TN1	NGUYỄN TRẦN SANG	SANG	Nữ	22/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	5,75	8	22		22	NV1	
117	130332	TN1	NGUYỄN TẤN	PHÚ	Nam	21/03/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	6,5	22		22	NV1	
118	130302	TN1	TRẦN UYÊN	NHI	Nữ	20/06/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,5	8,75	22		22	NV1	
119	130267	TN1	ĐINH DUY	NGUYỄN	Nam	30/08/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,75	7,75	22		22	NV1	
120	130138	TN1	TRẦN VÕ ÁNH	HỒNG	Nữ	13/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	7	7,5	22		22	NV1	
121	130128	TN1	TRẦN HỒ HOÀNG	HIỀN	Nam	08/12/2011	Quảng Ngãi	7,75	7	7,25	22		22	NV1	
122	130097	TN1	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	Nam	27/11/2011	Quảng Ngãi	8	6,25	7,75	22		22	NV1	
123	130009	TN1	TRẦN THÚY	AN	Nữ	18/11/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,25	9,25	22		22	NV1	
124	130002	TN1	HỒ NGỌC QUỲNH	AN	Nữ	07/10/2011	Quảng Ngãi	8,25	7,25	6,5	22		22	NV1	
125	091137	LKH	HUỶNH THỊ TƯỜNG	VỸ	Nữ	02/01/2011	Quảng Ngãi	8	8	6	22		22	NV1	
126	090772	LKH	HỒ THÀNH	PHÁT	Nam	07/12/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,5	7,25	22		22	NV1	
127	090444	LKH	TRẦN NGUYỄN	KHÔI	Nam	22/01/2011	Quảng Ngãi	7	6,75	8,25	22		22	NV1	
128	130527	TN1	VÕ YẾN	VY	Nữ	28/02/2011	Quảng Ngãi	6,75	6	9	21,75		21,75	NV1	
129	130449	TN1	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	Nam	10/08/2011	Quảng Ngãi	6,25	8	7,5	21,75		21,75	NV1	
130	130342	TN1	NGUYỄN THIÊN	PHƯƠNG	Nữ	18/08/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,75	8,5	21,75		21,75	NV1	
131	130236	TN1	HUỶNH THÚY	NGÂN	Nữ	19/05/2011	Quảng Ngãi	8,25	7	6,5	21,75		21,75	NV1	
132	091032	LKH	LÊ HUYỀN	TRẦN	Nữ	26/11/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	6,25	21,75		21,75	NV1	
133	090588	LKH	NGUYỄN LÊ	NA	Nữ	18/05/2011	Quảng Ngãi	8,5	8	5,25	21,75		21,75	NV1	
134	090269	LKH	TRẦN NGUYỄN BẢO	HẢN	Nữ	13/10/2011	Quảng Ngãi	8,25	5,5	8	21,75		21,75	NV1	
135	090189	LKH	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	Nam	07/09/2011	Quảng Ngãi	9	7,75	5	21,75		21,75	NV1	
136	130532	TN1	NGÔ THỊ NHƯ	Ý	Nữ	25/01/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	8	21,5		21,5	NV1	
137	130487	TN1	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	Nam	18/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	7	21	0,5	21,5	NV1	
138	130479	TN1	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	13/05/2011	Quảng Ngãi	8,25	8	5,25	21,5		21,5	NV1	
139	130297	TN1	PHẠM HOÀNG	NHI	Nữ	25/11/2011	Quảng Ngãi	8,5	6,75	6,25	21,5		21,5	NV1	
140	130266	TN1	VÕ THỊ PHƯƠNG	NGỌC	Nữ	03/04/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,25	6,5	21,5		21,5	NV1	
141	130192	TN1	NGUYỄN ANH	KIỆT	Nam	29/08/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	7	21,5		21,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
142	130130	TN1	LÊ ĐÌNH	HIẾU	Nam	04/08/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,25	7,75	21,5		21,5	NV1	
143	130086	TN1	HUỶNH THỊ THU	GIANG	Nữ	01/04/2011	Quảng Ngãi	7	7	7,5	21,5		21,5	NV1	
144	130041	TN1	TRẦN QUỐC	CHƯƠNG	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	5,25	8	8,25	21,5		21,5	NV1	
145	130024	TN1	TRẦN HOÀNG	ÂN	Nam	11/06/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	8	21,5		21,5	NV1	
146	091117	LKH	PHẠM PHAN QUỐC	VIỆT	Nam	06/07/2011	Quảng Ngãi	7	8	6,5	21,5		21,5	NV1	
147	090645	LKH	CAO PHẠM BẢO	NGỌC	Nữ	29/06/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	6	21,5		21,5	NV1	
148	130519	TN1	LÊ NGUYỄN HẠ	VY	Nữ	29/06/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,25	7,25	21,25		21,25	NV1	
149	130470	TN1	TRẦN BẢO	TRẦN	Nữ	25/12/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	6,75	21,25		21,25	NV1	
150	130461	TN1	NGUYỄN THỊ NHẬT	TRÂM	Nữ	22/02/2011	Quảng Ngãi	8,5	8	4,75	21,25		21,25	NV1	
151	130221	TN1	KIỀU TRẦN TRẢ	MY	Nữ	27/12/2011	Quảng Ngãi	8	7,25	6	21,25		21,25	NV1	
152	130205	TN1	NGUYỄN PHÍ PHI	LONG	Nam	20/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,75	7	21,25		21,25	NV1	
153	130196	TN1	PHẠM THUÝ	KIỀU	Nữ	21/11/2011	Quảng Ngãi	7,5	5	8,75	21,25		21,25	NV1	
154	130167	TN1	MAI HUỶNH GIA	HƯƠNG	Nữ	02/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	7,75	21,25		21,25	NV1	
155	130081	TN1	PHẠM NGUYỄN ĐÔNG	ĐÔNG	Nam	09/07/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,5	7	21,25		21,25	NV1	
156	090996	LKH	HUỶNH QUỐC	TIỀN	Nam	09/03/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	7,5	21,25		21,25	NV1	
157	130525	TN1	TRẦN NGUYỄN MINH	VY	Nữ	22/08/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,75	8	21		21	NV1	
158	130400	TN1	HUỶNH NGỌC BẢO	THIÊN	Nam	18/02/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	7,5	21		21	NV1	
159	130372	TN1	TRƯƠNG DIỄM	QUỶNH	Nữ	27/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	7	6,75	21		21	NV1	
160	130334	TN1	TRẦN TÂN THIÊN	PHÚ	Nam	09/12/2011	Quảng Ngãi	8,25	6	6,75	21		21	NV1	
161	130320	TN1	HOÀNG GIA	PHÁT	Nam	17/08/2011	Quảng Ngãi	8,5	5,75	6,25	20,5	0,5	21	NV1	
162	130299	TN1	PHAN YẾN	NHI	Nữ	26/04/2011	Quảng Ngãi	8,25	7,75	5	21		21	NV1	
163	130259	TN1	LÊ NHẬT THANH	NGỌC	Nữ	06/04/2011	Quảng Ngãi	8	7	6	21		21	NV1	
164	130187	TN1	PHẠM BẢO	KHOA	Nam	19/03/2011	Quảng Ngãi	8	6,25	6,75	21		21	NV1	
165	130158	TN1	BÙI TIẾN	HƯNG	Nam	09/10/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,25	6,5	21		21	NV1	
166	130091	TN1	PHAN KIỀU KHÁNH	GIANG	Nữ	27/09/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,25	7,25	21		21	NV1	
167	130016	TN1	NGUYỄN LƯƠNG LAN	ANH	Nữ	04/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	8	6,5	21		21	NV1	
168	090894	LKH	TRẦN TÂN	TÀI	Nam	17/03/2011	Quảng Ngãi	5,75	8,5	6,75	21		21	NV1	
169	130485	TN1	BÙI QUANG	TRƯỜNG	Nam	27/01/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,5	6,75	20,75		20,75	NV1	
170	130476	TN1	TRẦN THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	06/04/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,5	8	20,75		20,75	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
171	130443	TN1	LƯƠNG NGUYỄN THANH	TIỀN	Nam	16/03/2011	Quảng Ngãi	6,25	8	6,5	20,75		20,75	NV1	
172	130362	TN1	HỒ THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	13/08/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,25	8	20,75		20,75	NV1	
173	130348	TN1	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	Nữ	03/02/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,5	6,75	19,75	1	20,75	NV1	
174	130265	TN1	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	Nữ	05/06/2011	Quảng Ngãi	7,5	7	6,25	20,75		20,75	NV1	
175	130218	TN1	THƯỢNG BÙI CÔNG	MINH	Nam	27/10/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,75	5,75	20,75		20,75	NV1	
176	130212	TN1	TRẦN THỊ KIM	LY	Nữ	24/02/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	5,5	20,75		20,75	NV1	
177	130206	TN1	PHẠM VÕ HOÀNG GIA	LONG	Nam	16/05/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,75	6,5	20,75		20,75	NV1	
178	130195	TN1	HUỶNH THỊ THÚY	KIỀU	Nữ	28/05/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	6,75	20,75		20,75	NV1	
179	130194	TN1	VÕ ANH	KIỆT	Nam	04/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	6	6,5	20,75		20,75	NV1	
180	130184	TN1	LÊ ANH	KHOA	Nam	16/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,25	6,25	20,75		20,75	NV1	
181	130175	TN1	NGUYỄN LÊ HOÀNG	KHANG	Nam	25/09/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,75	7,25	20,75		20,75	NV1	
182	130169	TN1	LÊ HUỶNH BẢO	KHA	Nam	22/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,75	6,75	20,75		20,75	NV1	
183	130107	TN1	TRẦN VÕ THANH	HÀNG	Nữ	27/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	6,25	20,75		20,75	NV1	
184	130047	TN1	PHẠM ĐỖ ÁNH	DIỄM	Nữ	06/12/2011	Quảng Ngãi	8	5,75	7	20,75		20,75	NV1	
185	090678	LKH	HUỶNH KHÔI	NGUYỄN	Nam	17/02/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	7	20,75		20,75	NV1	
186	090545	LKH	NGUYỄN HỮU CAO	MẠNH	Nam	24/09/2011	Quảng Ngãi	8,75	6,25	5,75	20,75		20,75	NV1	
187	130331	TN1	HỒ THIÊN	PHÚ	Nam	10/06/2011	TP HCM	8,5	6,25	5,75	20,5		20,5	NV1	
188	130241	TN1	NGUYỄN THỊ NHẢ	NGÂN	Nữ	13/06/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,25	7	20,5		20,5	NV1	
189	130240	TN1	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	Nữ	09/11/2011	Quảng Ngãi	8,5	7,25	4,75	20,5		20,5	NV1	
190	130233	TN1	BÙI TÂN KIM	NGÂN	Nữ	18/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	7	5,25	20,5		20,5	NV1	
191	130216	TN1	NGÔ VÕ NGỌC	MINH	Nữ	14/07/2011	Quảng Ngãi	7,5	7	6	20,5		20,5	NV1	
192	130139	TN1	NGUYỄN VĂN	HUẤN	Nam	11/03/2011	Quảng Ngãi	7	6	7,5	20,5		20,5	NV1	
193	130056	TN1	BÙI TÁ	DUẤN	Nam	28/12/2011	Quảng Ngãi	5,25	7	8,25	20,5		20,5	NV1	
194	130055	TN1	TRẦN THỊ KIM	DIỆU	Nữ	02/05/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,5	6,25	20,5		20,5	NV1	
195	130051	TN1	VÕ THỊ BÍCH	DIỄM	Nữ	06/11/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	7	20,5		20,5	NV1	
196	130018	TN1	VŨ KIỀU	ANH	Nữ	12/08/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,75	8,5	20,5		20,5	NV1	
197	130011	TN1	HỒ THỊ MINH	ANH	Nữ	28/07/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,5	6,5	20,5		20,5	NV1	
198	090581	LKH	TRẦN MY	MY	Nữ	23/08/2011	Quảng Ngãi	8,75	6,5	5,25	20,5		20,5	NV1	
199	090255	LKH	NGUYỄN BÙI BẢO	HÂN	Nữ	30/09/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,75	7	20,5		20,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
200	090209	LKH	PHẠM HOÀNG BẢO	GIANG	Nữ	30/01/2011	Quảng Ngãi	8	7	5,5	20,5		20,5	NV1	
201	130518	TN1	TRẦN VIỆT	VƯƠNG	Nam	15/01/2011	Quảng Ngãi	6,75	8	5,5	20,25		20,25	NV1	
202	130404	TN1	LƯƠNG TUẤN	THỊNH	Nam	24/12/2011	Quảng Ngãi	8,5	6,75	5	20,25		20,25	NV1	
203	130371	TN1	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	14/11/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,25	6,5	20,25		20,25	NV1	
204	130307	TN1	PHAN HUỲNH TUYẾT	NHUNG	Nữ	25/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,5	6	20,25		20,25	NV1	
205	130246	TN1	VÕ HOÀNG KIM	NGÂN	Nữ	18/06/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,5	6	20,25		20,25	NV1	
206	130217	TN1	NGUYỄN NGÔ QUANG	MINH	Nam	04/10/2011	Quảng Ngãi	7,25	8	5	20,25		20,25	NV1	
207	130140	TN1	NGUYỄN PHẠM GIA	HUỆ	Nữ	17/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	6,5	20,25		20,25	NV1	
208	130137	TN1	TRẦN BÙI MINH	HỘI	Nam	03/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	5,75	20,25		20,25	NV1	
209	130004	TN1	MAI TRẦN KHÁNH	AN	Nữ	04/04/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,25	7,75	20,25		20,25	NV1	
210	090357	LKH	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	06/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,25	6,5	20,25		20,25	NV1	
211	130533	TN1	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	01/09/2011	Quảng Ngãi	6,5	6	7,5	20		20	NV1	
212	130523	TN1	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	04/06/2011	Quảng Ngãi	8	6,75	5,25	20		20	NV1	
213	130512	TN1	NGUYỄN THỊ LÂM	VIÊN	Nữ	29/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	7	20		20	NV1	
214	130462	TN1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÂM	Nữ	03/05/2011	Quảng Ngãi	7	6,25	6,75	20		20	NV1	
215	130405	TN1	NGUYỄN THANH	THỊNH	Nam	08/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	7,5	4,75	20		20	NV1	
216	130391	TN1	HUỲNH DƯƠNG THANH	THẢO	Nữ	04/10/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,25	6,25	20		20	NV1	
217	130351	TN1	VÕ ĐĂNG	QUANG	Nam	17/11/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,5	7	20		20	NV1	
218	130318	TN1	NGUYỄN ĐIỀU SÔ	NI	Nữ	17/07/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	5,5	20		20	NV1	
219	130281	TN1	TRỊNH KIÊN	NHẮN	Nữ	09/02/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,75	6	20		20	NV1	
220	130200	TN1	PHẠM TÙNG	LÂM	Nam	08/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	5,5	20		20	NV1	
221	130173	TN1	ĐẶNG HÙNG VƯƠNG	KHANG	Nam	24/07/2011	Quảng Ngãi	6,5	8,25	5,25	20		20	NV1	
222	130115	TN1	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	Nữ	16/04/2011	Đà Nẵng	8	6,75	5,25	20		20	NV1	
223	130049	TN1	TRẦN THỊ THÚY	DIỄM	Nữ	30/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	7	5,25	20		20	NV1	
224	130048	TN1	TRẦN PHƯƠNG KIỀU	DIỄM	Nữ	30/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,5	5,75	20		20	NV1	
225	090723	LKH	CHÂU VÕ TUYẾT	NHI	Nữ	28/09/2011	Quảng Ngãi	8	5,25	6,75	20		20	NV1	
226	130520	TN1	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	01/04/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,5	6,75	19,75		19,75	NV1	
227	130432	TN1	VÕ NGỌC ANH	THƯ	Nữ	16/10/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	6,25	19,75		19,75	NV1	
228	130350	TN1	TÂN MINH	QUANG	Nam	24/06/2011	Quảng Ngãi	5,25	6,75	7,75	19,75		19,75	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
229	130316	TN1	TRẦN VÕ QUỲNH	NHƯ	Nữ	20/04/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,5	5,5	19,75		19,75	NV1	
230	130306	TN1	MAI NGUYỄN THẢO	NHIÊN	Nữ	13/09/2011	TP Huế	6	7,25	6,5	19,75		19,75	NV1	
231	130291	TN1	HUỶNH VŨ THẢO	NHI	Nữ	11/05/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	5,75	19,75		19,75	NV1	
232	130256	TN1	HỒ THỊ KHÁNH	NGỌC	Nữ	20/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	4,75	8,5	19,75		19,75	NV1	
233	130208	TN1	NGUYỄN THỊ BÍCH	LY	Nữ	21/06/2011	Quảng Ngãi	7	6,75	6	19,75		19,75	NV1	
234	130190	TN1	NGUYỄN NỮ BẢO	KHUÊ	Nữ	29/09/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	6,25	19,75		19,75	NV1	
235	130183	TN1	LÊ QUANG	KHIÊM	Nam	30/09/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	5,25	19,75		19,75	NV1	
236	130136	TN1	PHẠM THỊ KIỀU	HOANH	Nữ	19/06/2011	Quảng Ngãi	5,25	7,5	7	19,75		19,75	NV1	
237	130105	TN1	NGUYỄN THỊ DIỄM	HÀNG	Nữ	19/04/2011	Quảng Ngãi	5,75	7	7	19,75		19,75	NV1	
238	130033	TN1	ĐẶNG NGỌC HOÀNG	CHÁU	Nữ	29/05/2011	Quảng Ngãi	7	7	5,75	19,75		19,75	NV1	
239	130007	TN1	PHẠM THỊ KHÁNH	AN	Nữ	07/02/2011	Quảng Ngãi	6,25	7	6,5	19,75		19,75	NV1	
240	090932	LKH	NGUYỄN THÂN	THIỆN	Nam	04/07/2011	Quảng Ngãi	7,25	7	5,5	19,75		19,75	NV1	
241	090278	LKH	LÊ PHẠM VŨ	HIÊN	Nữ	05/06/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,25	7	19,75		19,75	NV1	
242	130492	TN1	NGUYỄN LÊ HỮU	TÙNG	Nam	31/10/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,5	6,75	19,5		19,5	NV1	
243	130438	TN1	NGUYỄN THỊ	THY	Nữ	09/03/2011	Quảng Ngãi	8,5	6,5	4,5	19,5		19,5	NV1	
244	130398	TN1	VÕ LÊ TOÀN	THẮNG	Nam	29/08/2011	Quảng Ngãi	7,5	7	5	19,5		19,5	NV1	
245	130308	TN1	ĐẶNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	21/11/2011	Quảng Ngãi	8	5,75	5,75	19,5		19,5	NV1	
246	130290	TN1	HUỶNH THỊ YÊN	NHI	Nữ	03/10/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,75	6	19,5		19,5	NV1	
247	130279	TN1	TRẦN THANH	NHÃ	Nữ	01/09/2011	Quảng Ngãi	8,25	5	6,25	19,5		19,5	NV1	
248	130273	TN1	PHAN NHẬT	NGUYỄN	Nam	08/05/2011	Quảng Ngãi	6	7	6,5	19,5		19,5	NV1	
249	130213	TN1	VÕ THỊ DIỄM	LY	Nữ	19/11/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	5,75	19,5		19,5	NV1	
250	130176	TN1	NGUYỄN PHÚC AN	KHANG	Nam	01/12/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,75	6,25	19,5		19,5	NV1	
251	130159	TN1	ĐẶNG NGUYỄN	HÙNG	Nam	19/05/2011	TP HCM	6,5	7	6	19,5		19,5	NV1	
252	130145	TN1	NGUYỄN TRỌNG GIA	HUY	Nam	11/11/2011	Quảng Ngãi	5,25	7	7,25	19,5		19,5	NV1	
253	130141	TN1	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	Nam	28/07/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,75	6,5	19,5		19,5	NV1	
254	130135	TN1	TRẦN MINH	HOÀNG	Nam	04/08/2011	Quảng Ngãi	4,75	7	7,75	19,5		19,5	NV1	
255	130120	TN1	TRƯƠNG GIA	HÂN	Nữ	05/12/2011	Quảng Ngãi	8	5,5	6	19,5		19,5	NV1	
256	130090	TN1	PHẠM THỊ NGÂN	GIANG	Nữ	15/06/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	5	19,5		19,5	NV1	
257	130068	TN1	DƯƠNG NGỌC TUẤN	ĐẠI	Nam	04/02/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	6,5	19,5		19,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
258	130067	TN1	TRẦN LÊ ÁNH	DƯƠNG	Nữ	30/03/2011	Quảng Ngãi	7	5,25	7,25	19,5		19,5	NV1	
259	130057	TN1	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	Nữ	10/04/2011	Quảng Ngãi	5,25	7,25	7	19,5		19,5	NV1	
260	130046	TN1	NGUYỄN LỮ NGỌC	DIÊM	Nữ	06/12/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,5	6,5	19,5		19,5	NV1	
261	130030	TN1	PHAN HUỶNH QUỐC	BẢO	Nam	28/02/2011	Quảng Ngãi	5,75	7,25	6,5	19,5		19,5	NV1	
262	130015	TN1	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	Nữ	21/04/2011	Quảng Ngãi	7	6,75	5,75	19,5		19,5	NV1	
263	091116	LKH	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	Nam	21/06/2011	Quảng Ngãi	6	6,25	7,25	19,5		19,5	NV1	
264	130497	TN1	TRẦN NGỌC THANH	TUYỀN	Nữ	10/05/2011	Quảng Ngãi	6,25	7,25	5,75	19,25		19,25	NV1	
265	130480	TN1	PHẠM THANH	TRÚC	Nữ	10/03/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	5,5	19,25		19,25	NV1	
266	130468	TN1	PHẠM LÊ BẢO	TRẦN	Nữ	28/06/2011	Quảng Ngãi	5	7,25	7	19,25		19,25	NV1	
267	130455	TN1	VÕ NGUYỄN THẢO	TRANG	Nữ	28/01/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	5,75	19,25		19,25	NV1	
268	130421	TN1	CHẾ ANH	THU	Nữ	25/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	6	5	19,25		19,25	NV1	
269	130406	TN1	VÕ QUANG	THỊNH	Nam	25/01/2011	Quảng Ngãi	7	7	5,25	19,25		19,25	NV1	
270	130395	TN1	PHAN THỊ	THẢO	Nữ	14/05/2011	Quảng Ngãi	8	7,5	3,75	19,25		19,25	NV1	
271	130392	TN1	LÊ THỊ THANH	THẢO	Nữ	06/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	6	5,5	19,25		19,25	NV1	
272	130389	TN1	VÕ DUY	THÁI	Nam	25/12/2011	Quảng Ngãi	7	7,25	5	19,25		19,25	NV1	
273	130364	TN1	LÊ XUÂN	QUỶNH	Nữ	09/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	6	5,75	19,25		19,25	NV1	
274	130363	TN1	LÊ NỮ TRÚC	QUỶNH	Nữ	17/06/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,25	5,5	19,25		19,25	NV1	
275	130328	TN1	NGUYỄN THU	PHONG	Nữ	09/12/2011	Quảng Ngãi	8	5,25	6	19,25		19,25	NV1	
276	130287	TN1	PHẠM CAO VIỆT	NHẬT	Nam	11/08/2011	Quảng Ngãi	8	5,5	5,75	19,25		19,25	NV1	
277	130245	TN1	TRẦN NGUYỄN KIM	NGÂN	Nữ	07/10/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	6,25	19,25		19,25	NV1	
278	130232	TN1	VÕ PHẠM HOÀI	NAM	Nam	28/12/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,75	5,75	19,25		19,25	NV1	
279	130231	TN1	THƯỢNG HOÀI BẢO	NAM	Nam	15/09/2011	Quảng Ngãi	6,75	6	6,5	19,25		19,25	NV1	
280	130229	TN1	NGUYỄN BẢO	NAM	Nam	10/06/2011	Quảng Ngãi	6,5	6	6,75	19,25		19,25	NV1	
281	130227	TN1	NGUYỄN KHẮC LY	NA	Nữ	28/10/2011	Quảng Ngãi	5,75	7,5	6	19,25		19,25	NV1	
282	130182	TN1	TRẦN NAM	KHÁNH	Nam	11/06/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	4,75	19,25		19,25	NV1	
283	130180	TN1	TRƯƠNG VIỆT	KHANG	Nam	15/04/2011	Quảng Ngãi	7,25	7	5	19,25		19,25	NV1	
284	130156	TN1	PHAN THỊ KHÁI	HUYỀN	Nữ	14/11/2011	Quảng Ngãi	6,5	6	6,75	19,25		19,25	NV1	
285	130143	TN1	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	15/10/2011	Gia Lai	6	6	7,25	19,25		19,25	NV1	
286	130121	TN1	TRƯƠNG GIA	HÂN	Nữ	19/09/2011	Quảng Ngãi	5	6,25	8	19,25		19,25	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
287	130118	TN1	TRẦN ĐÀO GIA	HÂN	Nữ	19/01/2011	Quảng Ngãi	8	6,5	4,75	19,25		19,25	NV1	
288	130112	TN1	NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	25/01/2011	Quảng Ngãi	5,5	7	6,75	19,25		19,25	NV1	
289	130073	TN1	ĐẶNG VĂN	ĐẠT	Nam	15/12/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,5	6,25	19,25		19,25	NV1	
290	130037	TN1	PHẠM PHAN TRẦN	CHÂU	Nữ	07/02/2011	Quảng Ngãi	8	4,5	6,75	19,25		19,25	NV1	
291	130036	TN1	NGUYỄN TRẦN BẢO	CHÂU	Nữ	11/11/2011	Quảng Ngãi	6,25	5	8	19,25		19,25	NV1	
292	091108	LKH	TẠ THỊ HỒNG	UYÊN	Nữ	10/06/2011	Quảng Ngãi	8,25	6,5	4,5	19,25		19,25	NV1	
293	130529	TN1	NGUYỄN NGỌC CHÍ	VỸ	Nam	02/03/2011	Quảng Ngãi	5,75	6	7,25	19		19	NV1	
294	130486	TN1	NGUYỄN PHI	TRƯỜNG	Nam	09/09/2011	Quảng Ngãi	5,5	7	6,5	19		19	NV1	
295	130403	TN1	NGUYỄN VĂN	THIỆN	Nam	21/08/2011	Quảng Ngãi	6	6,75	6,25	19		19	NV1	
296	130390	TN1	PHẠM DUY	THÀNH	Nam	13/04/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	5,5	19		19	NV1	
297	130357	TN1	PHẠM THỊ KHÁNH	QUYÊN	Nữ	07/05/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,75	4,75	19		19	NV1	
298	130340	TN1	KIỀU THỊ NHÃ	PHƯƠNG	Nữ	24/06/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,75	5,75	19		19	NV1	
299	130326	TN1	LƯƠNG VĂN	PHONG	Nam	30/05/2011	Quảng Ngãi	6	6,75	6,25	19		19	NV1	
300	130298	TN1	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	Nữ	13/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	6,25	4,5	19		19	NV1	
301	130238	TN1	LÊ THỊ	NGÂN	Nữ	22/09/2011	Quảng Ngãi	8,75	6,25	4	19		19	NV1	
302	130166	TN1	ĐÌNH LÊ NGÂN	HƯƠNG	Nữ	16/02/2011	Quảng Ngãi	8	5,5	5,5	19		19	NV1	
303	130074	TN1	ĐOÀN THÀNH	ĐẠT	Nam	01/06/2011	Quảng Ngãi	6	7,75	5,25	19		19	NV1	
304	130071	TN1	TRẦN CÔNG THÀNH	ĐẠO	Nam	17/06/2011	Quảng Ngãi	6	5,75	7,25	19		19	NV1	
305	130053	TN1	NGUYỄN PHẠM HỒNG	DIỆP	Nữ	08/11/2011	Quảng Ngãi	6,75	6	6,25	19		19	NV1	
306	130052	TN1	ĐẶNG HUỶNH BÍCH	DIỆP	Nữ	23/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	5,5	19		19	NV1	
307	130010	TN1	ĐẶNG HUỶNH	ANH	Nữ	13/09/2011	Quảng Ngãi	6	6,75	6,25	19		19	NV1	
308	130513	TN1	LÊ VĂN	VIỆT	Nam	22/10/2011	Quảng Ngãi	6,75	5,5	6,5	18,75		18,75	NV1	
309	130507	TN1	LÊ THỊ HỒNG	VĂN	Nữ	20/02/2011	Quảng Ngãi	7,5	6	5,25	18,75		18,75	NV1	
310	130491	TN1	NGUYỄN LÊ NGÂN	TUỆ	Nữ	29/07/2011	Quảng Ngãi	7	5	6,75	18,75		18,75	NV1	
311	130478	TN1	LÊ THANH	TRÚC	Nữ	18/07/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	5,25	18,75		18,75	NV1	
312	130437	TN1	PHẠM CAO NGỌC	THƯƠNG	Nữ	31/03/2011	Quảng Ngãi	5,75	7,25	5,75	18,75		18,75	NV1	
313	130428	TN1	TRẦN LÂM MINH	THU	Nữ	02/03/2011	Quảng Ngãi	8,25	5,25	5,25	18,75		18,75	NV1	
314	130416	TN1	KIỀU THỊ THU	THÙY	Nữ	08/07/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,75	5,5	18,75		18,75	NV1	
315	130412	TN1	NGUYỄN ĐỨC	THÔNG	Nam	16/09/2011	Quảng Ngãi	6	7,5	5,25	18,75		18,75	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
316	130401	TN1	NGUYỄN TRẦN ANH	THIÊN	Nam	11/02/2011	Quảng Ngãi	7	6,75	5	18,75		18,75	NV1	
317	130283	TN1	CAO MINH	NHẬT	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	6	7	5,75	18,75		18,75	NV1	
318	130179	TN1	NGUYỄN TẤN	KHANG	Nam	16/12/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	5	18,75		18,75	NV1	
319	130153	TN1	LÊ THỊ MINH	HUYỀN	Nữ	16/05/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,5	5,75	18,75		18,75	NV1	
320	130152	TN1	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	HUYỀN	Nữ	02/01/2011	Quảng Ngãi	5	7,5	6,25	18,75		18,75	NV1	
321	130114	TN1	NGUYỄN LÊ GIA	HẢN	Nữ	16/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	4,75	18,75		18,75	NV1	
322	130075	TN1	HUỶNH NGỌC TIẾN	ĐẠT	Nam	29/07/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,5	4,5	18,75		18,75	NV1	
323	130060	TN1	PHAN QUANG	DUY	Nam	14/02/2011	Quảng Ngãi	6	6,75	6	18,75		18,75	NV1	
324	130001	TN1	ĐINH VÕ PHƯƠNG	ÁI	Nữ	26/03/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	4,75	18,5		18,5	NV1	
325	130540	TN1	PHAN THỊ BẢO	YẾN	Nữ	19/09/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,25	4,75	18,5		18,5	NV1	
326	130500	TN1	NGUYỄN TRƯỜNG THỰC	UYÊN	Nữ	18/08/2011	Quảng Ngãi	7,25	4,75	6,5	18,5		18,5	NV1	
327	130484	TN1	LÊ CHÍ	TRUNG	Nam	29/04/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,75	5,25	18,5		18,5	NV1	
328	130481	TN1	TRẦN ĐẶNG THỦY	TRÚC	Nữ	28/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	7	5	18,5		18,5	NV1	
329	130439	TN1	PHẠM THỊ KHÁNH	THY	Nữ	11/08/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,5	4,5	18,5		18,5	NV1	
330	130385	TN1	PHẠM CHẾ THANH	TẤN	Nam	26/03/2011	Quảng Ngãi	4,25	7,5	6,75	18,5		18,5	NV1	
331	130284	TN1	HUỶNH LONG	NHẬT	Nam	06/03/2011	Quảng Ngãi	8,75	3,75	6	18,5		18,5	NV1	
332	130223	TN1	NGUYỄN LÊ TRÀ	MY	Nữ	29/07/2011	Quảng Ngãi	8,5	6,5	3,5	18,5		18,5	NV1	
333	130198	TN1	NGUYỄN LÊ THỊ HIỀN	KIM	Nữ	02/05/2011	Quảng Ngãi	7,5	5	6	18,5		18,5	NV1	
334	130171	TN1	NGUYỄN TRẦN MINH	KHAI	Nam	13/08/2011	Quảng Ngãi	8	5,5	5	18,5		18,5	NV1	
335	130149	TN1	NGUYỄN THẢO	HUYỀN	Nữ	24/06/2011	Quảng Ngãi	8,5	5,75	4,25	18,5		18,5	NV1	
336	130122	TN1	TRƯƠNG THỊ GIA	HẢN	Nữ	25/09/2011	Quảng Ngãi	8,25	5,5	4,75	18,5		18,5	NV1	
337	130092	TN1	NGUYỄN GIA MA	HA	Nam	22/01/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	4,75	18,5		18,5	NV1	
338	130077	TN1	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	ĐOAN	Nữ	31/12/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,25	5,75	18,5		18,5	NV1	
339	130059	TN1	NGUYỄN TẤN	DŨNG	Nam	18/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,5	4,5	18,5		18,5	NV1	
340	130042	TN1	NGÔ NGUYỄN THÀNH	DANH	Nam	29/09/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,75	5,25	18,5		18,5	NV1	
341	091066	LKH	LÊ VĂN	TRỌNG	Nam	26/10/2011	Quảng Ngãi	4,75	5,5	8,25	18,5		18,5	NV1	
342	090868	LKH	HUỶNH THỊ DIỄM	QUỶNH	Nữ	22/01/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,75	5,5	18,5		18,5	NV1	
343	090863	LKH	PHAN THỊ NGỌC	QUYÊN	Nữ	12/05/2011	Quảng Ngãi	8	5,25	5,25	18,5		18,5	NV1	
344	130495	TN1	LŨ HOÀNG KIM	TUYỀN	Nữ	08/07/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,75	4	18,25		18,25	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
345	130463	TN1	PHẠM LÊ PHƯƠNG	TRÂM	Nữ	25/04/2011	Quảng Ngãi	6,75	4,5	7	18,25		18,25	NV1	
346	130442	TN1	ĐẶNG	TIẾN	Nam	03/01/2011	Quảng Ngãi	4,5	7	6,75	18,25		18,25	NV1	
347	130441	TN1	TRẦN VỸ NGỌC	TIỀN	Nữ	28/04/2011	Quảng Ngãi	8	6,75	3,5	18,25		18,25	NV1	
348	130430	TN1	VÕ ANH	THỨ	Nữ	14/02/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,75	5	18,25		18,25	NV1	
349	130388	TN1	TRẦN QUỐC	THÁI	Nam	29/04/2011	Quảng Ngãi	7	3,75	7,5	18,25		18,25	NV1	
350	130339	TN1	PHAN THIÊN	PHƯỚC	Nam	29/03/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	4,75	18,25		18,25	NV1	
351	130335	TN1	BÙI THANH	PHÚC	Nam	19/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	6	5	18,25		18,25	NV1	
352	130322	TN1	PHẠM TIỀN	PHÁT	Nam	27/09/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,75	5	18,25		18,25	NV1	
353	130242	TN1	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	16/05/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	4,75	18,25		18,25	NV1	
354	130191	TN1	LÊ ANH	KIỆT	Nam	21/03/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,25	5,25	18,25		18,25	NV1	
355	130116	TN1	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	14/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	6,75	4	18,25		18,25	NV1	
356	130085	TN1	TRẦN ANH	ĐỨC	Nam	04/05/2011	Quảng Ngãi	7	6	5,25	18,25		18,25	NV1	
357	130022	TN1	VŨ THỊ MINH	ÁNH	Nữ	31/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,5	5,5	18,25		18,25	NV1	
358	130541	TN1	VÕ HOÀNG PHI	YẾN	Nữ	18/08/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,5	5,25	18		18	NV1	
359	130522	TN1	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	25/02/2011	Quảng Ngãi	6,75	5	6,25	18		18	NV1	
360	130499	TN1	LA THỊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	10/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,25	5,25	18		18	NV1	
361	130496	TN1	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	TUYỀN	Nữ	19/07/2011	Quảng Ngãi	5,75	7	5,25	18		18	NV1	
362	130488	TN1	LÊ ANH	TÚ	Nam	12/01/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,5	5	18		18	NV1	
363	130482	TN1	TRẦN THANH	TRÚC	Nữ	12/05/2011	Quảng Ngãi	6,75	4,25	7	18		18	NV1	
364	130452	TN1	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG	Nữ	13/12/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,25	4,25	18		18	NV1	
365	130448	TN1	NGUYỄN HỮU	TOÀN	Nam	20/05/2011	Đà Nẵng	6	5,75	6,25	18		18	NV1	
366	130440	TN1	NGUYỄN MỸ	TIỀN	Nữ	25/06/2011	Quảng Ngãi	5,25	7	5,75	18		18	NV1	
367	130419	TN1	BÙI ANH	THỨ	Nữ	11/12/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,25	5,5	18		18	NV1	
368	130373	TN1	TRƯƠNG NHƯ	QUỲNH	Nữ	23/11/2011	Quảng Ngãi	7	6	5	18		18	NV1	
369	130368	TN1	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	Nữ	12/02/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,75	4,5	18		18	NV1	
370	130360	TN1	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	Nữ	20/12/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,5	5,25	18		18	NV1	
371	130337	TN1	VÕ THANH THIÊN	PHÚC	Nữ	09/10/2011	Quảng Ngãi	6,75	5	6,25	18		18	NV1	
372	130327	TN1	MAI VŨ	PHONG	Nam	04/03/2011	Quảng Ngãi	7	7,5	3,5	18		18	NV1	
373	130313	TN1	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	05/10/2011	Quảng Ngãi	7	6,5	4,5	18		18	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
374	130288	TN1	PHAN THỊ MINH	NHẬT	Nữ	14/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,75	4,5	18		18	NV1	
375	130276	TN1	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	27/10/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,25	4	18		18	NV1	
376	130244	TN1	TRẦN BẢO	NGÂN	Nữ	06/11/2011	Quảng Ngãi	5,5	6,75	5,75	18		18	NV1	
377	130165	TN1	VÕ QUỐC	HƯNG	Nam	05/12/2011	Quảng Ngãi	6,75	5,25	6	18		18	NV1	
378	130150	TN1	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	Nữ	20/04/2011	Quảng Ngãi	7,5	6	4,5	18		18	NV1	
379	130108	TN1	TRỊNH CAO MINH	HĂNG	Nữ	04/01/2011	Quảng Ngãi	7,75	6	4,25	18		18	NV1	
380	130076	TN1	HUỶNH VĂN	ĐẠT	Nam	10/06/2011	Quảng Ngãi	5,75	6,5	5,75	18		18	NV1	
381	130034	TN1	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	CHÁU	Nữ	03/05/2011	TP HCM	6,25	4,75	7	18		18	NV1	
382	130417	TN1	VÕ THỊ THANH	THÙY	Nữ	08/11/2011	Quảng Ngãi	7,75	3,75	6,25	17,75		17,75	NV1	
383	130301	TN1	TRẦN BÙI THẢO	NHI	Nữ	26/04/2011	Quảng Ngãi	8	5,75	4	17,75		17,75	NV1	
384	130225	TN1	PHAN THỊ DIỄM	MY	Nữ	18/01/2011	Quảng Ngãi	7,25	7,25	3,25	17,75		17,75	NV1	
385	130189	TN1	TRẦN NGUYỄN	KHÔI	Nam	05/07/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,5	4,5	17,75		17,75	NV1	
386	130160	TN1	HUỶNH VĂN PHỤC	HƯNG	Nam	22/09/2011	Quảng Ngãi	5,5	5,75	6,5	17,75		17,75	NV1	
387	130157	TN1	VÕ LÊ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	20/01/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,5	6	17,75		17,75	NV1	
388	130096	TN1	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	HẠ	Nữ	16/08/2011	Gia Lai	7	5,5	5,25	17,75		17,75	NV1	
389	130061	TN1	BÙI KỶ	DUYÊN	Nữ	23/07/2011	Quảng Ngãi	7	5,75	5	17,75		17,75	NV1	
390	130534	TN1	NGUYỄN TẠ NHƯ	Ý	Nữ	31/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	3,75	17,5		17,5	NV1	
391	130501	TN1	PHẠM THU	UYÊN	Nữ	07/05/2011	Quảng Ngãi	7,5	4,75	5,25	17,5		17,5	NV1	
392	130465	TN1	TRỊNH THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	03/10/2011	Quảng Ngãi	8,5	5,75	3,25	17,5		17,5	NV1	
393	130420	TN1	BÙI VÕ NGUYỄN	THỨ	Nữ	30/09/2011	Quảng Ngãi	8,75	5,75	3	17,5		17,5	NV1	
394	130414	TN1	LÊ MINH	THUẬN	Nam	13/08/2011	Quảng Ngãi	8,25	4,5	4,75	17,5		17,5	NV1	
395	130383	TN1	MAI NGUYỄN	TÂM	Nam	04/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	5,5	5,5	17,5		17,5	NV1	
396	130374	TN1	VÕ THỊ NHƯ	QUỶNH	Nữ	21/10/2011	Quảng Ngãi	8,5	5,5	3,5	17,5		17,5	NV1	
397	130355	TN1	HUỶNH ANH	QUỐC	Nam	17/05/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,75	5,5	17,5		17,5	NV1	
398	130330	TN1	DƯƠNG THÀNH	PHÚ	Nam	30/10/2011	Quảng Ngãi	8	5	4,5	17,5		17,5	NV1	
399	130280	TN1	TRẦN NGỌC	NHÂN	Nam	24/05/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,5	4,75	17,5		17,5	NV1	
400	130258	TN1	LÊ NGUYỄN HỒNG	NGỌC	Nữ	07/08/2011	Quảng Ngãi	5,25	6,75	5,5	17,5		17,5	NV1	
401	130248	TN1	VÕ DIỆP BẢO	NGHI	Nữ	25/02/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,25	6	17,5		17,5	NV1	
402	130210	TN1	PHAN NGỌC THẢO	LY	Nữ	27/09/2011	Quảng Ngãi	7,25	6	4,25	17,5		17,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
403	130172	TN1	CHẾ DỪNG	KHANG	Nam	08/01/2011	Quảng Ngãi	8,25	5,75	3,5	17,5		17,5	NV1	
404	130164	TN1	TRƯƠNG QUANG	HƯNG	Nam	18/09/2011	Quảng Ngãi	5	8	4,5	17,5		17,5	NV1	
405	130148	TN1	VÕ HOÀNG GIA	HUY	Nam	19/08/2011	Quảng Ngãi	6,25	6,25	5	17,5		17,5	NV1	
406	130125	TN1	VÕ THỊ PHÚC	HẬU	Nữ	07/07/2011	Quảng Ngãi	5,75	7,75	4	17,5		17,5	NV1	
407	130109	TN1	LƯƠNG HOÀNG GIA	HÂN	Nữ	14/10/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,75	4,25	17,5		17,5	NV1	
408	130070	TN1	BÙI VĨNH	ĐAN	Nam	08/05/2011	Quảng Ngãi	6,75	7	3,75	17,5		17,5	NV1	
409	130040	TN1	TRẦN KHÁNH	CHI	Nữ	21/02/2011	Quảng Ngãi	7	5,75	4,75	17,5		17,5	NV1	
410	130536	TN1	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	Nữ	28/05/2011	Quảng Ngãi	6	6,75	4,5	17,25		17,25	NV1	
411	130498	TN1	ĐẶNG THỊ NGỌC	TUYẾN	Nữ	08/07/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	4,25	17,25		17,25	NV1	
412	130493	TN1	ĐẶNG THIÊN THANH	TUYẾN	Nữ	01/02/2011	Quảng Ngãi	6,75	5,5	5	17,25		17,25	NV1	
413	130490	TN1	VÕ CẨM	TỬ	Nữ	12/09/2011	Quảng Ngãi	7	5,75	4,5	17,25		17,25	NV1	
414	130409	TN1	LÊ THỊ KIM	THOA	Nữ	22/03/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	4,25	17,25		17,25	NV1	
415	130366	TN1	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	25/03/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,75	5,25	17,25		17,25	NV1	
416	130303	TN1	VÕ HÀ YẾN	NHI	Nữ	07/06/2011	Quảng Ngãi	7,75	6	3,5	17,25		17,25	NV1	
417	130270	TN1	LƯƠNG NGỌC TRIỀU	NGUYỄN	Nữ	02/02/2011	Quảng Ngãi	7	5,5	4,75	17,25		17,25	NV1	
418	130262	TN1	LƯƠNG LÊ ÁNH	NGỌC	Nữ	22/10/2011	Quảng Ngãi	8	6	3,25	17,25		17,25	NV1	
419	130203	TN1	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Nữ	17/09/2011	Gia Lai	6,5	6,75	4	17,25		17,25	NV1	
420	130099	TN1	ĐOÀN THỊ THU	HẠNH	Nữ	01/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,25	4,25	17,25		17,25	NV1	
421	130058	TN1	LƯƠNG CAO HOÀNG	DỪNG	Nam	21/09/2011	Quảng Ngãi	5	7	5,25	17,25		17,25	NV1	
422	090510	LKH	PHẠM THỊ TRÚC	LINH	Nữ	29/08/2011	Quảng Ngãi	7,75	5	4,5	17,25		17,25	NV1	
423	130408	TN1	LÂM PHÚC	THỌ	Nam	21/12/2011	Cà Mau	7,75	6,5	2,75	17		17	NV1	
424	130393	TN1	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	Nữ	11/08/2011	TP HCM	7,5	4,75	4,75	17		17	NV1	
425	130379	TN1	TRỊNH THIÊN	SƠN	Nam	27/10/2011	Quảng Ngãi	6,5	6	4,5	17		17	NV1	
426	130369	TN1	PHẠM ÁI	QUỲNH	Nữ	14/03/2011	Quảng Ngãi	6,75	5,5	4,75	17		17	NV1	
427	130353	TN1	LÊ HOÀNG PHI	QUẢN	Nam	01/05/2011	Quảng Ngãi	5,25	7,25	4,5	17		17	NV1	
428	130352	TN1	HỒ THUỶ	QUẢN	Nữ	07/06/2011	Quảng Ngãi	7	6	4	17		17	NV1	
429	130309	TN1	ĐINH HUỲNH BẢO	NHƯ	Nữ	26/05/2011	TP HCM	7	3,25	6,75	17		17	NV1	
430	130286	TN1	NGUYỄN LÊ QUỐC	NHẬT	Nam	28/09/2011	Quảng Ngãi	5,5	6	5,5	17		17	NV1	
431	130188	TN1	BÙI MINH	KHÔI	Nam	12/11/2011	Quảng Ngãi	6,75	5	5,25	17		17	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
432	130126	TN1	NGUYỄN ĐỖ KIM	HIỀN	Nữ	29/06/2011	Quảng Ngãi	5,75	6	5,25	17		17	NV1	
433	130110	TN1	NGUYỄN ĐẶNG GIA	HẢN	Nữ	15/05/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	4	17		17	NV1	
434	130093	TN1	ĐẶNG THỊ NGÂN	HÀ	Nữ	29/10/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,5	4	17		17	NV1	
435	130083	TN1	BÙI THÀNH	ĐỨC	Nam	02/07/2011	Quảng Ngãi	3,75	5,75	7,5	17		17	NV1	
436	130032	TN1	PHAN THỊ NHƯ	BÌNH	Nữ	15/12/2011	Quảng Ngãi	7,5	6	3,5	17		17	NV1	
437	130006	TN1	NGUYỄN HỒNG BẢO	AN	Nữ	11/10/2011	Quảng Ngãi	6,5	7,5	3	17		17	NV1	
438	130542	TN1	VÕ THỊ KIM	YẾN	Nữ	28/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,25	4	16,75		16,75	NV1	
439	130514	TN1	VÕ NGỌC QUỐC	VIỆT	Nam	28/09/2011	Quảng Ngãi	5,75	5	6	16,75		16,75	NV1	
440	130458	TN1	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	Nữ	26/06/2011	Quảng Ngãi	8	5	3,75	16,75		16,75	NV1	
441	130399	TN1	VÕ THỊ MAI	THI	Nữ	12/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,25	2,75	16,75		16,75	NV1	
442	130370	TN1	PHẠM TRẦN XUÂN	QUỲNH	Nữ	05/11/2011	Quảng Ngãi	7,25	4,5	5	16,75		16,75	NV1	
443	130367	TN1	NGUYỄN PHẠM NHƯ	QUỲNH	Nữ	13/11/2011	Quảng Ngãi	6	7	3,75	16,75		16,75	NV1	
444	130336	TN1	PHAN TRẦN HỮU	PHÚC	Nam	15/05/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,5	2,5	16,75		16,75	NV1	
445	130321	TN1	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	Nam	07/04/2011	Phú Thọ	6	6,5	4,25	16,75		16,75	NV1	
446	130261	TN1	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	20/12/2011	Quảng Ngãi	6,75	6,75	3,25	16,75		16,75	NV1	
447	130154	TN1	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	Nữ	05/07/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,75	3,75	16,75		16,75	NV1	
448	130142	TN1	LÊ QUỐC	HUY	Nam	30/12/2011	Quảng Ngãi	5	7	4,75	16,75		16,75	NV1	
449	130103	TN1	HUỲNH NGỌC ANH	HÀO	Nam	08/02/2011	Quảng Ngãi	5,25	6,75	4,75	16,75		16,75	NV1	
450	130063	TN1	NGUYỄN MỸ	DUYỀN	Nữ	03/06/2011	Quảng Ngãi	7	5	4,75	16,75		16,75	NV1	
451	130027	TN1	NGUYỄN LÊ ANH	BẢO	Nam	27/06/2011	Gia Lai	5,75	6,5	4,5	16,75		16,75	NV1	
452	130023	TN1	BÙI LÂM KHẢI	ẤN	Nam	24/06/2011	Quảng Ngãi	5,75	5	6	16,75		16,75	NV1	
453	130537	TN1	ĐỖ HẢI	YẾN	Nữ	09/06/2011	Quảng Ngãi	6,75	5	4,75	16,5		16,5	NV1	
454	130515	TN1	VÕ QUỐC	VIỆT	Nam	17/08/2011	Quảng Ngãi	5,75	6	4,75	16,5		16,5	NV1	
455	130471	TN1	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	15/04/2011	Quảng Ngãi	4,75	6,5	5,25	16,5		16,5	NV1	
456	130464	TN1	TRẦN QUỲNH	TRÂM	Nữ	26/09/2011	Quảng Ngãi	7	5,5	4	16,5		16,5	NV1	
457	130304	TN1	VÕ KIỀU UYÊN	NHI	Nữ	03/01/2011	Quảng Ngãi	7,75	3	5,75	16,5		16,5	NV1	
458	130257	TN1	HUỲNH ÁNH	NGỌC	Nữ	05/05/2011	Quảng Ngãi	6,5	5,75	4,25	16,5		16,5	NV1	
459	130251	TN1	NGUYỄN NGUYỄN	NGHĨA	Nam	25/11/2011	Lâm Đồng	7	6,5	3	16,5		16,5	NV1	
460	130247	TN1	PHẠM NGỌC GIA	NGHI	Nữ	11/07/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,75	4,5	16,5		16,5	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
461	130177	TN1	NGUYỄN PHÚC	KHANG	Nam	03/08/2011	Quảng Ngãi	7	5,75	3,75	16,5		16,5	NV1	
462	130123	TN1	VÕ GIA	HẢN	Nữ	23/03/2011	Quảng Ngãi	6,5	5,5	4,5	16,5		16,5	NV1	
463	130079	TN1	LÊ BÙI BÁ	ĐỒ	Nam	01/11/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,75	3,25	16,5		16,5	NV1	
464	130054	TN1	ĐOÀN THỊ HUYỀN	DIỆU	Nữ	27/04/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,5	3,5	16,5		16,5	NV1	
465	130014	TN1	NGUYỄN KIM	ANH	Nữ	12/06/2011	Quảng Ngãi	5,5	6	5	16,5		16,5	NV1	
466	130521	TN1	NGUYỄN TẠ TƯỜNG	VY	Nữ	03/04/2011	Quảng Ngãi	7,25	5,5	3,5	16,25		16,25	NV1	
467	130504	TN1	HỒ HUỖNH PHÚC	VĂN	Nam	23/05/2011	Quảng Ngãi	5	7,5	3,75	16,25		16,25	NV1	
468	130483	TN1	TRẦN THỊ MINH	TRÚC	Nữ	13/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	6,5	3,25	16,25		16,25	NV1	
469	130475	TN1	NGÔ THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	24/02/2011	Quảng Ngãi	8,25	5	3	16,25		16,25	NV1	
470	130460	TN1	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂM	Nữ	16/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	5	3,75	16,25		16,25	NV1	
471	130433	TN1	VÕ THỊ THANH	THU	Nữ	18/10/2011	Quảng Ngãi	6	7	3,25	16,25		16,25	NV1	
472	130359	TN1	CHÉ NGUYỄN THỰC	QUỖNH	Nữ	20/03/2011	Quảng Ngãi	8,5	3,75	4	16,25		16,25	NV1	
473	130347	TN1	LÊ THỊ KIM	PHUỘNG	Nữ	13/01/2011	Quảng Ngãi	6,75	5,5	4	16,25		16,25	NV1	
474	130346	TN1	BÙI THỊ THUÝ	PHUỘNG	Nữ	25/06/2011	Đông Nai	5,75	5	5,5	16,25		16,25	NV1	
475	130329	TN1	BÙI GIA	PHÚ	Nam	13/12/2011	Quảng Ngãi	7,75	4	4,5	16,25		16,25	NV1	
476	130300	TN1	TẠ VŨ TUỆ	NHI	Nữ	16/09/2011	Quảng Ngãi	6,75	4	5,5	16,25		16,25	NV1	
477	130178	TN1	NGUYỄN TẤN HOÀNG	KHANG	Nam	28/02/2011	Quảng Ngãi	6,25	6	4	16,25		16,25	NV1	
478	130144	TN1	NGUYỄN TẤN	HUY	Nam	28/04/2011	Quảng Ngãi	6,75	4,75	4,75	16,25		16,25	NV1	
479	130134	TN1	NGUYỄN MAI NHẬT	HOÀNG	Nam	17/10/2011	Quảng Ngãi	5	5,25	6	16,25		16,25	NV1	
480	130129	TN1	HUỖNH NGỌC NHƯ	HIẾU	Nữ	29/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	4	4,5	16,25		16,25	NV1	
481	130101	TN1	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	25/11/2011	Quảng Ngãi	7,5	5,25	3,5	16,25		16,25	NV1	
482	130082	TN1	NGUYỄN VÕ TƯỜNG	ĐỒNG	Nam	11/11/2011	Quảng Ngãi	4,25	7,5	4,5	16,25		16,25	NV1	
483	130039	TN1	PHAN BÙI QUỖNH	CHI	Nữ	12/12/2011	Quảng Ngãi	3,25	6,5	6,5	16,25		16,25	NV1	
484	130025	TN1	ĐƯƠNG HOÀNG GIA	BẢO	Nam	21/06/2011	Quảng Ngãi	5,5	7	3,75	16,25		16,25	NV1	
485	130021	TN1	TRẦN TẠ MINH	ẢNH	Nữ	25/05/2011	Quảng Ngãi	5	7,5	3,75	16,25		16,25	NV1	
486	130008	TN1	TRẦN BẢO THÚY	AN	Nữ	07/06/2011	Quảng Ngãi	4,75	5,75	5,75	16,25		16,25	NV1	
487	130526	TN1	VÕ NGỌC YẾN	VY	Nữ	28/06/2011	Quảng Ngãi	5,5	4,5	6	16		16	NV1	
488	130517	TN1	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	Nam	09/05/2011	Quảng Ngãi	5,75	7,25	3	16		16	NV1	
489	130509	TN1	ĐINH CHÍ	VĨ	Nam	28/09/2011	Quảng Ngãi	7,5	3,5	5	16		16	NV1	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh					
490	130472	TN1	TRƯƠNG MINH	TRÍ	Nam	03/11/2011	Quảng Ngãi	7,5	3	5,5	16		16	NV1	
491	130466	TN1	VÕ THÙY	TRÂM	Nữ	08/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	5	3,5	16		16	NV1	
492	130434	TN1	PHAN LÊ	THỨC	Nam	20/05/2011	Quảng Ngãi	5,75	6	4,25	16		16	NV1	
493	130422	TN1	HUỶNH THỊ ANH	THƯ	Nữ	06/04/2011	Đà Nẵng	5,75	5,75	4,5	16		16	NV1	
494	130249	TN1	LÊ DUY	NGHĨA	Nam	09/07/2011	Quảng Ngãi	4,75	6	5,25	16		16	NV1	
495	130234	TN1	HỒ ĐẶNG HOÀNG	NGÂN	Nữ	24/03/2011	Quảng Ngãi	8,25	4	3,75	16		16	NV1	
496	130170	TN1	LÊ VÕ HỮU	KHA	Nam	01/10/2011	Quảng Ngãi	7	6	3	16		16	NV1	
497	130124	TN1	VÕ NGỌC BẢO	HẢN	Nữ	29/11/2011	Quảng Ngãi	7,5	4,75	3,75	16		16	NV1	
498	130104	TN1	TRẦN LÊ NHẬT	HẢO	Nam	09/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	4,75	4,75	16		16	NV1	
499	130100	TN1	PHẠM HUỶNH MỸ	HẠNH	Nữ	17/06/2011	Quảng Ngãi	5,75	5,75	4,5	16		16	NV1	
500	130089	TN1	NGUYỄN TRÀ	GIANG	Nữ	29/04/2011	Quảng Ngãi	5,5	5,5	5	16		16	NV1	
501	130080	TN1	VÕ TẤN	ĐỒ	Nam	13/04/2011	Quảng Ngãi	5,75	5,25	5	16		16	NV1	
502	091048	LKH	PHẠM QUANG	TRÍ	Nam	01/07/2011	Quảng Ngãi	5,5	7,25	3,25	16		16	NV1	
503	130538	TN1	LÊ NGỌC PHI	YẾN	Nữ	22/10/2011	Quảng Ngãi	6,25	5,75	3,75	15,75		15,75	NV1	
504	130494	TN1	ĐỖ THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	16/12/2011	Đà Lạt	5,5	7,25	3	15,75		15,75	NV1	
505	130456	TN1	ĐẶNG XUÂN	TRÂM	Nữ	26/02/2011	Quảng Ngãi	6,5	4,75	4,5	15,75		15,75	NV1	
506	130250	TN1	NGUYỄN ĐỨC	NGHĨA	Nam	18/07/2011	Quảng Ngãi	6,5	5,75	3,5	15,75		15,75	NV1	
507	130161	TN1	LÊ TUẤN	HƯNG	Nam	25/12/2011	Quảng Ngãi	5,75	6,25	3,75	15,75		15,75	NV1	
508	130045	TN1	LÊ THỊ THU	DIỆM	Nữ	10/01/2011	Quảng Ngãi	6,5	5,5	3,75	15,75		15,75	NV1	
509	130026	TN1	LƯƠNG GIA	BẢO	Nam	04/12/2011	Quảng Ngãi	6	6,5	3,25	15,75		15,75	NV1	
510	100343	TQT	LÊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	24/07/2011	Quảng Ngãi	7,75	6,75	6,75	21,25		21,25	NV2	
511	100094	TQT	NGUYỄN VIỆT	DUY	Nam	08/03/2011	Quảng Ngãi	8	6	7,25	21,25		21,25	NV2	
512	100248	TQT	VÕ PHÚC	HƯNG	Nam	07/12/2011	Quảng Ngãi	6,75	7,75	6,5	21		21	NV2	
513	090328	LKH	TẠ VÕ CÔNG	HUY	Nam	29/03/2011	Quảng Ngãi	7,5	7,25	6,25	21		21	NV2	
514	090322	LKH	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	15/08/2011	Quảng Ngãi	8	7	6	21		21	NV2	
515	100328	TQT	ĐỒNG LÊ THIÊN	KIM	Nữ	14/11/2011	Quảng Ngãi	7,25	6,5	7	20,75		20,75	NV2	
516	091053	LKH	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRIẾT	Nam	18/05/2011	Quảng Ngãi	5,75	6,25	8,5	20,5		20,5	NV2	
517	090331	LKH	TRƯƠNG ĐOÀN QUANG	HUY	Nam	07/09/2011	Quảng Ngãi	7,75	8	4,75	20,5		20,5	NV2	
518	090855	LKH	HUỶNH LÊ THỰC	QUYÊN	Nữ	28/10/2011	Quảng Ngãi	7,75	5,75	6,75	20,25		20,25	NV2	

TT	SBD	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Tổng điểm thi tuyển	Điểm KK và Ưu tiên	Tổng Điểm trúng tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh					
519	090937	LKH	TRƯƠNG QUANG DUY THIỆN	Nam	28/12/2011	Quảng Ngãi	6,25	8	5,75	20		20	NV2	
520	100388	TQT	KIỀU PHƯƠNG NGA	Nữ	06/05/2011	Quảng Ngãi	7	6	6,75	19,75		19,75	NV2	

Danh sách này có: 520 học sinh trúng tuyển.